TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 156 /2022/ HNGĐ-ST**
**Ngày: 21 - 6 -2022**
**"V/v Ly hôn giữa chị H và anh Q"**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **TRẦN TÚ ANH**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175 /2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120 /2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Võ Ngọc H**, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*2. Bị đơn:* Anh **Phạm Hoàng Q,** sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

( Chị H xin vắng mặt, anh Q vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn chị Võ Ngọc H trình bày:*** Do quen biết chị và anh Q tiến đến hôn nhân năm 2009, đăng ký kết hôn cùng năm tại Uỷ ban nhân dân xã B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Q thường xuyên chửi chị, kinh tế gia đình khó khăn nên mất hạnh phúc. Hai người ly thân từ giữa tháng 01/2015.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Phú T, sinh ngày 12/02/2010. Hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị H xin ly hôn anh Q. Con chung chưa thành niên chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

***- Bị đơn anh Phạm Hoàng Q dù được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có lời trình bày.***

***- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện đúng qui định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Phạm Hoàng Q, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sự vắng mặt đương sự trong vụ án: Nguyên đơn chị Võ Ngọc H ngày 28/4/2022 có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do bận đi làm. Đối với anh Phạm Hoàng Q dù được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả 02 đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh Q tiến đến hôn nhân năm 2009 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên anh chị chỉ chung sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ giữa tháng 01/2015 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nguyên nhân do anh chị tính tình không hợp nhau, thường hay xảy ra cự cãi, anh Q có lời lẽ không tốt đối với chị H. Qua xác minh chính quyền địa phương không xác định được nguyên nhân mâu thuẩn nhưng hiện tại chị H đã về nhà mẹ ruột sống và con chung đang sống cùng chị. Đối với anh Q dù được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến việc chị H ly hôn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng anh chị không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn với anh Q là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Phú T, sinh ngày 12/02/2010. Hiện đang sống cùng chị H, chị yêu cầu được nuôi cháu T sau ly hôn. Cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị H. Đối với anh Q không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị H. Xét thấy con chung được chị H nuôi dưỡng từ lúc ly thân đến nay đã có cuộc sống ổn định. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung cũng như xem xét nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Phạm Phú T cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Ngọc H ly hôn với anh Phạm Hoàng Q.

2. Con chung: Tiếp tục giao con chung chưa T niên tên Phạm Phú T, sinh ngày 12/02/2010 cho chị Võ Ngọc H nuôi dưỡng. Anh Phạm Hoàng Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Võ Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009437 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Ngọc H, anh Phạm Hoàng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TRẦN TÚ ANH**

*Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:*

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải T; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, T phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, T phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (T phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, T phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên T viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về Q tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về Q tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của T viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.